TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 4 - QUẢNG NGÃI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số 05/2026/HNGĐ-ST
Ngày: 10 - 02 - 2026
V/v: "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 - QUẢNG NGÃI

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Tuấn;
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Võ Đức Dũng, bà Lê Thị Ngọc Lâm.
- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Thu Nguyệt, Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 4 - Quảng Ngãi.
- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 - Quảng Ngãi tham gia phiên toà: Ông Nguyễn Minh Khôi - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 02 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 4 - Quảng Ngãi xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 18/2025/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 10 năm 2025 về việc *"Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 27/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 15-01-2026 và Quyết định hoãn phiên tòa số 302/2026/QĐST-DS ngày 26-01-2026, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Lê Thị Lệ T, sinh ngày 01/01/1987; địa chỉ: Khu phố A, phường Đ, Thành phố Đà Nẵng. Chị T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

- Bị đơn: Anh Nguyễn Văn T1, sinh ngày 17/8/1989; địa chỉ: Khu dân cư S, thôn P, xã M, tỉnh Quảng Ngãi. Anh T1 vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện đề ngày **20-8-2022** và quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Lê Thị Lệ T trình bày:*

- Về quan hệ hôn nhân: Chị (Lê Thị Lệ T) và anh Nguyễn Văn T1 là vợ chồng, có tổ chức lễ cưới theo phong tục truyền thống và đăng ký kết hôn vào ngày 16/3/2020 tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện M - nay là xã M, tỉnh Quảng Ngãi. Trước khi kết hôn, chị và anh T1 có tự nguyện tìm hiểu, yêu thương, không bị ai ép buộc. Sau khi kết hôn, chị và anh T1 sống cùng nhà với cha, mẹ của anh T1 tại địa chỉ: KDC G, thôn P, xã M, tỉnh Quảng Ngãi; cuộc sống vợ chồng hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn: Vợ chồng bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cải vã; chị đã cố gắng nói chuyện, chia sẽ cuộc sống với anh T1 để đời sống vợ chồng được hòa hợp, nhưng mẫu thuẫn vợ chồng vẫn không được cải thiện mà ngày càng trầm trọng hơn. Đến tháng 8 năm 2022, chị đưa con (cháu Nguyễn Quốc K) về quê của chị ở thị

xã Đ, tỉnh Quảng Nam - nay là phường Đ, Thành phố Đà Nẵng để sinh sống; vợ, chồng chính thức sống ly thân, không còn liên lạc, quan tâm gì đến nhau.

Nay, chị xác định không còn tình cảm với anh T1, mâu thuẫn vợ chồng không thể hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được, vợ chồng đã sống ly thân lâu ngày; chị yêu cầu Tòa án nhân dân khu vực 4 - Quảng Ngãi giải quyết cho chị được ly hôn anh Nguyễn Văn T1.

- Về con chung: Chị với anh T1 có 01 (một) con chung tên Nguyễn Quốc K, sinh ngày 01/9/2020; từ khi vợ chồng sống ly thân (như nội dung chị đã trình bày ở trên) cho đến nay, cháu K do chị trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Hiện nay, cháu K phát triển bình thường và đang học lớp mẫu giáo tại phường Đ, Thành phố Đà Nẵng. Khi ly hôn, chị yêu cầu Tòa án giao cháu K cho chị được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục…;chị không yêu cầu anh T1 cấp dưỡng nuôi cháu T1, vì hiện tại chị có công việc ổn định, đủ khả năng tài chính và chủ động về thời gian để chăm sóc, nuôi dưỡng, đưa đón cháu K đi học.

- Về tài sản chung, nợ chung: Chị T trình bày không có, cam kết lời trình bày của chị là đúng sự thật, không trốn tránh trách nhiệm trả nợ khi ly hôn và chịu trách nhiệm về lời trình bày của mình trước pháp luật.

** Bị đơn anh Nguyễn Văn T1 đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, nhưng không đến tòa và vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án nên không có lời trình bày trong hồ sơ vụ án.*

Tại phiên tòa Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 - Quảng Ngãi phát biểu ý kiến:

Về thủ tục tố tụng: Quá trình tiếp nhận đơn khởi kiện, thụ lý, giải quyết và xét xử vụ án; Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng nguyên tắc, trình tự, thủ tục; xác định quan tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng sự. Quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chấp hành đúng theo quy định của pháp luật, bị đơn không chấp hành đúng pháp luật *(đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt tại phiên tòa)*.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Lê Thị Lệ T; về quan hệ hôn nhân: Chị T được ly hôn với anh Nguyễn Văn T1; về con chung: Khi ly hôn, giao cháu Nguyễn Quốc K, sinh ngày 01/9/2020 cho chị T được quyền trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục…; anh T1 không cấp dưỡng nuôi con; về tài sản chung và nợ chung: Chị T trình bày không có nên không đặt ra xem xét; về án phí: Chị T phải chịu án phí theo quy định nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được công bố, thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn chị Lê

Thị Lệ T có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn với anh Nguyễn Văn T1, khi ly hôn yêu cầu giải quyết cho chị được nuôi con chung; về tài sản chung, nợ chung: chị T trình bày: không có. Bị đơn anh Nguyễn Văn T1 có nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở hiện nay tại: Khu dân cư S, thôn P, xã M, tỉnh Quảng Ngãi. Do đó, có cơ sở xác định quan hệ pháp luật khi giải quyết là *"Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"* và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 4 - Quảng Ngãi theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[1.2] Về sự có mặt của các đương sự*:* Nguyên đơn chị Lê Thị Lệ T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, bị đơn anh Nguyễn Văn T1 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên Tòa. Hội đồng xét xử căn cứ theo quy định tại khoản 2 Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

[2] Về nội dung: Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Lê Thị Lệ T, Hội đồng xét xử xét thấy:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân*:* Chị Lê Thị Lệ T và anh Nguyễn Văn T1 tự nguyện tìm hiểu, yêu thương, có đăng ký kết hôn và được UBND xã Đ, huyện M - nay là xã M, tỉnh Quảng Ngãi cấp Giấy chứng nhận kết hôn số ...., quyển số **03/2015** ngày 16- 3 - 2020 nên hôn nhân giữa chị T với anh T1 là hợp pháp.

Theo chị T, trong quá trình chung sống vợ chồng thì phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân là do đời sống chung của vợ chồng không hòa hợp, bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cải vã; chị đã cố gắng nói chuyện, chia sẽ cuộc sống với anh T1 để đời sống vợ chồng được hòa hợp, nhưng mẫu thuẫn vợ chồng vẫn không được cải thiện mà ngày càng trầm trọng hơn. Đến tháng 8 năm 2022, chị đưa con (cháu Nguyễn Quốc K) về quê của chị (Thị xã Đ, tỉnh Quảng Nam - nay là phường Đ, Thành phố Đà Nẵng) sinh sống. Kể từ khi chị đưa con về quê sinh sống cho đến nay, giữa chị với anh T1 không liên lạc với nhau và chính thức sống ly thân, không còn quan tâm gì đến nhau. Nay, chị xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu được ly hôn anh T1.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành tống đạt hợp lệ các Văn bản tố tụng và Giấy triệu tập để bị đơn anh T1 đến Tòa làm việc về nội dung khởi kiện của chị T, nhưng anh T1 đều vắng mặt không có lý do, cũng không có ý kiến trình bày hay phản đối yêu cầu khởi kiện của chị Do đó, Tòa án căn cứ vào những tài liệu có trong hồ sơ vụ án để giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Ngày …. tháng …. năm 2025, Tòa án đã có Thông báo số **18**/TB-TA về việc tổ chức phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, với mục đích hòa giải, hàn gắn mâu thuẫn vợ chồng, nhưng anh T1 không đến Tòa, điều đó thể hiện anh T1 không có thái độ, hành động thể hiện mong muốn được hàn gắn. Vì vậy, Hội đồng xét xử có cơ sở để xác định, đời sống chung vợ chồng giữa chị T với anh T1 không có hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được, tình trạng hôn nhân đã trầm trọng. Do đó, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Lê Thị Lệ T và cho chị T được ly hôn với

anh Nguyễn Văn T1 là phù hợp với quy định tại Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2.2] Về con chung: Chị T và anh T1 có với nhau 01 (một) con chung tên là Nguyễn Quốc K, sinh ngày 01/9/2020 (chưa được 07 tuổi). Kể từ khi vợ chồng sống ly thân cho đến nay, cháu K do chị T nuôi dưỡng. Do vậy, khi ly hôn cần giao cháu K cho chị T để chị tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc là đảm bảo quyền lợi cho cháu; chị T không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung: Chị T trình bày không có, anh T1 không có văn bản trình bày ý kiến nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3] Về án phí: Nguyên đơn chị T phải chịu toàn bộ án phí hôn nhân và gia đình theo quy định của pháp luật nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp.

[4] Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 - Quảng Ngãi tại phiên tòa là có căn cứ và phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử.

[5] Nguyên đơn và bị đơn có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 235, Điều 266, Điều 271, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Căn cứ vào Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Lê Thị Lệ T về việc *"Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"*.

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Lê Thị Lệ T được ly hôn anh Nguyễn Văn T1.

1.2. Về con chung: Khi ly hôn, giao cháu Nguyễn Quốc K, sinh ngày 01/9/2020 cho chị Lê Thị Lệ T được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng; anh Nguyễn Văn T1 không cấp dưỡng nuôi con.

Chị T và anh T1 đều có quyền và nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con theo quy định của pháp luật. Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người đang trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Vì lợi ích của con chưa thành niên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con khi có đơn yêu cầu theo quy định của pháp luật.

1.3. Về tài sản chung, nợ chung: Chị T bày không có, anh T1 không có văn bản trình bày ý kiến. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

2. Về án phí: Chị Lê Thị Lệ T phải chịu số tiền 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm đối với tranh chấp về hôn nhân và gia đình nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí chị T đã nộp là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0000….. ngày ….-…-2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Ngãi (Phòng thi hành án dân sự Khu vực 4).

3. Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND khu vực 4 - Quảng Ngãi;
- THADS tỉnh Quảng Ngãi;
- Phòng THADS khu vực 4;
- UBND xã Mỏ Cày, T. Quảng Ngãi;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thanh Tuấn